

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 09/6/2023

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
ông Trần Văn H và bà Trần Thị H ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Như Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Đồng Mới, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Đồng Mới, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông H có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, ông Trần Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Trần Thị H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 04 tháng 4 năm 1997. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Từ cuối năm 2021 đến nay do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nhà. Ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và

bà H không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải được, ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: Ông Trần Văn H xác định, ông và bà Trần Thị H có 02 con chung, cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1999; cháu Trần Huy H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2008. Cháu Trần Tuấn A hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, ông không đề nghị Toà án giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu Tuấn A; đối với cháu Trần Huy H, khi ly hôn ông đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn xin vắng mặt tại phiên toà, Ông H trình bày, sau khi biết nguyện vọng của cháu H muốn được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn, nên ông nhất trí khi ly hôn bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, ông không cấp dưỡng nuôi cháu H, sau này bà H có yêu cầu cấp dưỡng thì ông sẽ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Trần Huy H.

Về tài sản, vay nợ chung: Ông Trần Văn H xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện H đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà Trần Thị H không đến Toà án để làm việc và tham gia các phiên hoà giải.

Toà án nhân dân huyện H nhận được đơn đề nghị của bà Trần Thị H đề ngày 12/02/2023, theo nội dung đơn bà H xác nhận về mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Trần Văn H, xác nhận về mâu thuẫn vợ chồng và việc vợ chồng bà hiện nay đang sống ly thân, mỗi người ở một nhà khác nhau. Bà H cũng xác nhận về nội dung vợ chồng có 02 con chung, cháu Trần Tuấn A, sinh năm 1999; cháu Trần Huy H, sinh năm 2008, nhưng không đưa ra yêu cầu giải quyết cụ thể về phần nuôi con chung. Bà có trình bày về nội dung tài sản chung và vay nợ chung nhưng không đưa ra yêu cầu cụ thể, không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Trong đơn bà trình bày không đến Toà án làm việc nhưng không đưa ra được những lý do cụ thể, có căn cứ. Sau khi nhận được đơn của bà H, Toà án tiếp tục báo gọi nhiều lần nhưng bà H không đến Toà án để làm việc, nên không xác định được cụ thể ý kiến của bà H về các nội dung con chung, tài sản và vay nợ chung.

Sau khi Toà án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 11/5/2023 bà Trần Thị H có đơn xin hoãn phiên toà ngày 12/5/2023; đến phiên toà ngày 25/5/2023 và phiên toà ngày 09/6/2023 bà H vắng mặt không có lý do.

Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con chung, cháu Trần Huy H, cháu H trình bày cháu có biết việc bố cháu xin ly hôn, cháu không biết nguyên nhân cụ thể của việc bố mẹ mâu thuẫn, từ năm 2021 đến nay bố mẹ cháu đã sống ly thân, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Toà án nhân dân huyện H có tiến hành xác minh đối với ông Đặng Văn Đầu, Trưởng thôn Đồng Mới, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả xác minh thể hiện, ông Trần Văn H và bà Trần Thị H đều có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn Đồng Mới, xã M. Ông H và bà H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, Ông H và bà H có mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân; quan hệ con chung, Ông H và bà H có 02 con chung, con lớn cháu Tuấn A đã trên 18 tuổi, con bé cháu H hiện đang ở với bà H, do

bà H nuôi dưỡng; ông Đầu cũng xác nhận về việc Ông H bà H có tài sản chung là nhà, đất; đối với vay nợ chung của Ông H bà H thôn không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chưa đầy đủ.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ông Trần Văn H được ly hôn với bà Trần Thị H; về con chung: Giao cháu Trần Huy H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H chưa yêu cầu và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; cháu Trần Tuấn A đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, đề nghị không xem xét, giải quyết về việc nuôi con chung đối với cháu Tuấn A. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung Ông H xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, vợ chồng không có vay nợ chung và không đề nghị giải quyết về những nội dung này; đơn đề nghị của bà H trình bày không cụ thể và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về phần tài sản chung, vay nợ chung, nên không có căn cứ để xem xét giải quyết, đề nghị không xem xét giải quyết; ông Trần Văn H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; bà Trần Thị H không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của ông Trần Văn H, ý kiến trong đơn đề nghị của bà Trần Thị H, cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn H và bà Trần Thị H đều có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông H và bà H có quan hệ hôn nhân hợp pháp; Ông H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho ông được ly hôn với bà H và các nội dung khác có liên quan. Quan hệ tranh chấp được xác định đầy đủ là Tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xem xét toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Trần Thị H tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 14 tháng 5 năm 1997. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, từ năm 2021 đến nay do

mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân. Quan hệ hôn nhân giữa Ông H và bà H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, xử cho Ông H được ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: Theo ý kiến trình bày của ông Trần Văn H, bà Trần Thị H và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, đủ cơ sở xác định, Ông H và bà H có 02 con chung, cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1999; cháu Trần Huy H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2008. Quá trình giải quyết bà H không có ý kiến cụ thể về phần nuôi con chung, cháu Trần Huy H có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng mẹ, Ông H nhất trí với nguyện vọng của cháu H, khi ly hôn cháu H sẽ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, Ông H không cấp dưỡng nuôi con vì bà H chưa có yêu cầu. Các tài liệu được thu thập thể hiện cháu H hiện đang ở với bà H, do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu Trần Huy H cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Ông H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H do bà H chưa có yêu cầu; Ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung theo quy định.

Đối với cháu Trần Tuấn A, hiện nay cháu Tuấn A đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, Ông H không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu Tuấn A, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Ông Trần Văn H xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; bà Trần Thị H không có ý kiến cụ thể về tài sản, đất đai chung, không đưa được ra các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình về tài sản và vay nợ chung. Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về những nội dung này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp giữa Ông H và bà H về những nội dung này sau khi ly hôn, Ông H và bà H có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án và tại các phiên hoà giải bà Trần Thị H đều vắng mặt không có lý do. Ngày 11/5/2023 bà H có đơn xin hoãn phiên toà, ngày 25/5/2023 và ngày 09/6/2023 bà H vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Như vậy, đến thời điểm xét xử vụ án bà H thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn H đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; bà Trần Thị H không phải nộp án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Văn H được ly hôn với bà Trần Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 14 tháng 5 năm 1997 cho ông Trần Văn H và bà Trần Thị H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Huy H, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H chưa yêu cầu; Ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trần Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005943, ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Bà Trần Thị H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã M (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Phương - Hoàng Văn Thiết

Lương Thanh Huyền

